TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số: 56/2021/HSST
Ngày: 17/9/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Uyên**
Ông Phạm Văn Khuyến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Văn Phương -** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2021/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn D** – Tên gọi khác: Không
Sinh năm 1988 tại: Bình Phước
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Con ông Hoàng D – sinh năm 1957 và bà Lê Thị L (đã chết)
Vợ: Nguyễn Thị Ngọc O – sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2013
Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D** – Tên gọi khác: Không
Sinh năm 1981 tại Bình Phước.
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1958

Vợ: Nguyễn Thị B – sinh năm 1983 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đoàn Như N** – Tên gọi khác: Không

Sinh năm 1993 tại Bình Phước

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Đoàn Như T, sinh năm 1953 và bà Lê Thị M, sinh năm 1961 (đã chết).

Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số 120/2014/HSST ngày 09/9/2014.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Bà Kiều Thị T – sinh năm 1968

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Có mặt

**** Người có quyền lợi N vụ liên quan:***

Ông Lê Hữu H – sinh năm 1985. Vắng mặt

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Ông Lê Văn N – sinh năm 1960. Vắng mặt

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D và Đoàn Như N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/3/2021, sau khi đã uống rượu, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Super Cup, biển số: 60FD - 4614 chở D còn Lê Hữu H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số: 93P1-282.52 chở N cùng Lê Xuân N nhà bà Kiều Thị T để tìm gặp con gái bà T là chị Nguyễn Thị Kim C. Khi đến nơi, D và D đi vào bên trong khuôn viên nhà nhưng không gặp được chị C (không có ai ở nhà). Lúc đó, D nhìn thấy một cây mai mới trồng phía trước sân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đi lại nhổ cây mai (loại mai vàng 12 cánh, chiều cao 2,8m, tán rộng 1,66m, chu vi gốc 24,5cm). Do cây lớn nên D gọi D vào phụ nhổ cây mai, sau khi nhổ cây mai lên khỏi mặt đất D gọi N vào phụ giúp bê cây mai lên xe Cub

50 của D, còn H và N đứng bên ngoài. D ngồi phía sau xe giữ cây mai để D điều khiển xe chở về nhà D. H chở N và N đi theo sau về nhà D. Sau khi về nhà D thì N, D, D bê cây mai ra sau nhà D cất giấu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bà T về nhà và phát hiện bị mất cây mai nên kêu chị C đi tìm kiếm. Chị C đến nhà D gặp N, D, D đang ở nhà D, C hỏi có ai lấy cây mai không thì cả nhóm không thừa nhận. Lúc đó, cháu N cũng có mặt tại nhà D, C hỏi thì cháu N chỉ chỗ cất giấu cây mai nên C gọi điện báo cho bà T biết và bà T trình báo Công an xã P.

Vật chứng thu giữ: 01 cây mai chiều cao 2,8m, tán rộng 1,66m, chu vi gốc 24,5cm; 01 xe mô tô loại Nouvo LX màu đỏ đen biển số 93P1-282.52 của H và 01 xe gắn máy Super cup 50 biển số 60FD-4614, số máy C50E-8165877 của D. Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL.HĐĐG ngày 15/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có kết luận: tại thời điểm ngày 01/3/2021 thì 01 (một) cây mai, loại mai vàng 12 cánh, chiều cao 2,8m, tán rộng 1,66m, chu vi gốc 24,5cm có giá trị là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 43/CTr-VKS ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D, Đoàn Như N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D mức án từ 12 đến 15 tháng tù

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án từ 09 đến 12 tháng tù

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đoàn Như N mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/3/2021, Hoàng Văn D đã lợi dụng việc không có người trông coi tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 cây mai (loại mai vàng 12 cánh, chiều cao 2,8m, tán rộng 1,66m, chu vi gốc 24,5cm) trị giá 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng của bà Kiều Thị T. Đối với

Nguyễn Văn D và Đoàn Như N đã tiếp nhận ý chí của D, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với nhau và đưa tài sản đi cất dấu nên D và N cùng đồng phạm với D về tội trộm cắp tài sản.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D và Đoàn Như N đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội , xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại , gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương và hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc lên kế hoạch, phân công vai trò cho nhau mà khi phát hiện có sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo mới cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo D là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi nhổ cây mai và chở cây mai mang về nhà bị cáo D; các bị cáo D và N là người thực hành giúp bị cáo D nhổ cây mai nên bị cáo D có vai trò cao hơn các bị cáo D, N; bị cáo D và N có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo N là người có nhân thân xấu: Bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 120/2014/HSST ngày 09/9/2014. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo N phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo D.

*Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo đều không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo D, D phạm tội lần đầu. Do đó các bị cáo D, D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội.

Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Lê Hữu H, quá trình điều tra xác định có đi C với các bị cáo nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại bà Kiều Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng do cây mai bị chết. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T. Sự thỏa thuận giữa người bị hại và các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với cây mai, qua điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của bà Kiều Thị T nên này 02/3/2021, Cơ quan điều tra trả lại cho bà T là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 93P1-282.52 và xe gắn máy biển số 60FD-4614, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu nguồn gốc 02 xe mô tô trên và thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến này chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D và Đoàn Như N phạm tội **"*Trộm cắp tài sản*".**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 13 (mười ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Như N 13 (mười ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D, Đoàn Như N phải liên đới bồi thường cho bà Kiều Thị T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), chia theo

phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Kiều Thị T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo D, D, N chưa thực hiện N vụ bồi thường như trên thì còn phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn D, Nguyễn Văn D, Đoàn Như N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *CA huyện P;*
- *Bị cáo; Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải